

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**TIẾNG ANH CĂN BẢN 2**

1 – Tên học phần: *Tiếng Anh căn bản 2*

2 – Số tín chỉ: 3 tín chỉ

3 - Trình độ: Sinh viên năm thứ 2

4 – Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 45 tiết

- Tự học: 90 giờ

5 - Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành *Tiếng Anh căn bản 1*.

6 - Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên lượng từ vựng và cấu trúc tiếng Anh căn bản trình độ trên sơ cấp (Pre-intermediate). Luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm giao tiếp thông thường trên cơ sở khối lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản: động từ nguyên dạng và động từ đuôi *-ing*, lượng từ, dạng bị động, một số thì của động từ (hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, quá khứ hoàn thành), một số loại câu (câu phức và câu ghép, câu có mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 2), cấu trúc *be going to*, cấu trúc so sánh với tính từ và trạng từ,...

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ tiếng Anh trên A. Có khả năng giao tiếp về các chủ điểm: Gia đình, sức khoẻ và lối sống, âm nhạc, thể thao...

7 – Mô tả nội dung học phần:

Học phần gồm 9 bài học về các chủ điểm:

- | | |
|--------------------------------|--|
| - Gia đình | - Nhà trường, môn học |
| - Tính cách, người nổi tiếng | - Giấc mơ |
| - Bộ phận cơ thể | - Ngày nghỉ, du lịch |
| - Những dự định tương lai | - Phỏng đoán, dự đoán tương lai |
| - Sức khoẻ, lối sống | - Quá khứ, thói quen quá khứ, sự kiện đáng nhớ |
| - Âm nhạc, ban nhạc nổi tiếng, | - Xung đột gia đình |
| - Bồn phận và trách nhiệm | - Thể thao |

Học phần cung cấp các kiến thức ngôn ngữ thuộc các lĩnh vực:

- **Ngữ pháp:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sử dụng một số từ loại: Động từ nguyên dạng và động từ đuôi *-ing*, lượng từ, dạng bị động; một số thì của động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, quá khứ hoàn thành; một số loại câu: câu phức và câu ghép, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện

loại 1 và loại 2, cấu trúc *be going to*, cấu trúc so sánh với tính từ và trạng từ, lối nói gián tiếp... và các cấu trúc đặc biệt sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường.

- **Ngữ âm:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ âm và luyện kỹ năng phát âm đối với một số phụ âm, nguyên âm ngắn và nguyên âm dài, trọng âm từ hai âm tiết, trọng âm và nhịp điệu, trọng âm câu, cách phát âm trong từ điển...

- **Từ vựng:** Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: tính từ chỉ tính cách, chỉ cơ thể; giới từ chỉ thời gian, địa điểm, nơi chốn; động từ trái nghĩa; danh từ chỉ con vật, quần áo, môn học...

Học phần luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ: Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 7 phần:

- Phần I, II, III, IV: Chủ đề (Topics)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng liên quan đến chủ điểm của mỗi phần bài học để sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói thông qua các dạng bài tập khác nhau.

- Phần V: Tiếng Anh thực hành (Practical English)

Cung cấp cho sinh viên những từ, cụm từ hoặc những mẫu câu giao tiếp để sinh viên thực hành nghe, nói giao tiếp trong những tình huống, hoàn cảnh cụ thể.

- Phần VI. Viết (Writing)

Cung cấp một số thể loại viết thông dụng như: miêu tả bản thân, kể chuyện theo tranh, mô tả nơi ở, viết thư/email trang trọng, mô tả nhà ở, trình bày quan điểm... để sinh viên thực hành sử dụng những kiến thức đã học phát triển kỹ năng viết.

- Phần VII: Ôn tập và kiểm tra (Revise & Check)

Thông qua việc làm các dạng bài tập khác nhau, sinh viên ôn lại những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, hoặc kiểm tra những kỹ năng: đọc, nghe, nói... liên quan đến nội dung bài học.

8 - Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự lớp trên 80% số buổi lên lớp.
- Tham dự đủ 3 bài kiểm tra định kỳ
- Hoàn thành tất cả các bài tập trong cuốn: *New English Files – Pre-intermediate Student Book & Workbook*, Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig & Paul Seligson, Oxford.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.
- Có đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập.
- Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện tự học: Sách tham khảo, từ điển, cassette hoặc các phương tiện nghe, nhìn khác.

9 - Tài liệu học tập:

Giáo trình chính : [1] *New English Files – Pre-intermediate Student Book & Workbook*, Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig & Paul Seligson, Oxford.

Tài liệu tham khảo:

[2] *Grammar Practice for Pre-Intermediate Students*,
E.Walker & S.Elsworth, Longman

[3] *Từ điển Anh - Việt, Việt - Anh*

10 – Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**Điều kiện:**

- Tham dự trên 80% số buổi giảng. Nếu không đủ sẽ không được dự thi lần đầu.
- Làm đầy đủ các bài tập cá nhân, dự đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ.

Hình thức đánh giá:

- Tham dự lớp học: Ý thức chuẩn bị bài, hoàn thành các bài tập cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Đánh giá thông qua các kỹ năng tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc, Viết).
- Thi cuối kỳ: Đánh giá thông qua các kỹ năng tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc, Viết).

11. Thang điểm: 10

| TT | Hình thức đánh giá | Tỷ lệ % cử điểm học phần | Ghi chú |
|----|---|-----------------------------|---------|
| 1. | Tham dự lớp học | 5% | |
| 2. | Các bài kiểm tra định kỳ (3 bài) | 45% | |
| 3. | Thi cuối kỳ - Nghe (20%) - Nói (30%) - Đọc (20%) - Viết (30%) | 50% | |

12 . Nội dung chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung | Sinh viên chuẩn bị | Ghi chú |
|---------------|--|--|---------|
| Tuần 1 | Unit 1 | - Đọc trang 4-15 tài liệu [1]. Đọc trang 1-18 tài liệu [2] | |
| | 1.A Who's who? | | |
| | 1.B Who knows you better? | | |
| | 1.C At the Moulin Rouge | | |
| | 1.D The Devil's Dictionary | | |
| | Practical English: At the airport | - Hoàn thành các bài tập Unit 1 sách bài tập. | |
| | Writing: Describing yourself | | |
| | Revise & check: What do you remember? What can you do? | | |
| Tuần 2 | Unit 2 | - Đọc trang 16-27 tài liệu [1]. Đọc trang 19-31 tài liệu [2] | |
| | 2.A Right place, wrong time | | |
| | 2.B A moment in time | | |
| | 2.C Fifty years of pop | | |
| | 2.D One October evening | | |
| | Practical English: At the conference hotel | - Hoàn thành các bài | |
| | Writing: The story behind a photo | | |

| | | | |
|------------------------|--|--|--|
| | Revise & check: What do you remember? What can you do? | tập Unit 2 sách bài tập. | |
| Tuần 3 | Unit 3 | - Đọc trang 28-39 tài liệu [1]. Đọc trang 32-47 tài liệu [2] | |
| | 3.A Where are you going? | | |
| | 3.B The pessimist's phrase book | | |
| | 3.C I'll always love you | | |
| | 1.D I was only dreaming | | |
| | Practical English: Restaurant problems | | |
| | Writing: An informal letter | | |
| | Revise & check: What do you remember? What can you do? | - Hoàn thành các bài tập Unit 3 sách bài tập. | |
| B.kiểm tra số 1 | Kiểm tra các kỹ năng tổng hợp Nghe, Nói, Đọc, Viết nội dung các bài 1, 2, 3. | Ôn tập nội dung các bài 1, 2, 3. | |
| Tuần 4 | Unit 4 | - Đọc trang 40-51 tài liệu [1]. Đọc trang 48-63 tài liệu [2] | |
| | 4.A From rags to riches | | |
| | 4.B Family conflicts | | |
| | 4.C Faster, faster! | | |
| | 4.D The world's friendliest city | | |
| | Practical English: Lost in San Francisco | | |
| | Writing: Describing where you live | | |
| | Revise & check: What do you remember? What can you do? | - Hoàn thành các bài tập Unit 4 sách bài tập. | |
| Tuần 5 | Unit 5 | - Đọc trang 52-63 tài liệu [1]. Đọc trang 64-80 tài liệu [2] | |
| | 5.A Are you a party animal? | | |
| | 5.B What makes you feel good? | | |
| | 5.C How much can you learn in a month? | | |
| | 5.D The name of the game | | |
| | Practical English: At a department store | | |
| | Writing: A formal e-mail | | |
| | Revise & check: What do you remember? What can you do? | - Hoàn thành các bài tập Unit 5 sách bài tập. | |
| Tuần 6 | Unit 6 | - Đọc trang 64-75 tài liệu [1]. Đọc trang 81-97 tài liệu [2] | |
| | 6.A If something bad can happen, it will | | |
| | 6.B Never smile at a crocodile | | |
| | 6.C Decisions, decisions | | |
| | 6.D What should I do? | | |
| | Practical English: At the pharmacy | | |
| | Writing: Writing to a friend | | |
| | Revise & check: What do you remember? What can you do? | - Hoàn thành các bài tập Unit 6 sách bài tập. | |
| B.kiểm tra số 2 | Kiểm tra các kỹ năng tổng hợp Nghe, Nói, Đọc, Viết nội dung các bài 4, 5, 6. | Ôn tập nội dung các bài 4, 5, 6. | |
| Tuần 7 | Unit 7 | - Đọc trang 76-87 | |

| | | |
|------------------------|---|---|
| | 7.A Famous fears and phobias | tài liệu [1]. Đọc trang 98-119 tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập Unit 7 sách bài tập. |
| | 7.B Born to direct | |
| | 7.C I used to be a rebel | |
| | 7.D The mothers of invention | |
| | Practical English: A boat trip | |
| | Writing: Describing a building | |
| | Revise & check: What do you remember? What can you do? | |
| Tuần 8 | Unit 8 | - Đọc trang 88-99 tài liệu [1]. Đọc trang 120-137 tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập Unit 8 sách bài tập. |
| | 8.A I hate weekends | |
| | 8.B How old is your body? | |
| | 8.C Waking up is hard to do | |
| | 8.D 'I'm Jim.' 'So am I.' | |
| | Practical English: On the phone | |
| | Writing: Giving your opinion Revise & check: What do you remember? What can you do? | |
| Tuần 9 | Unit 9 | - Đọc trang 100-107 tài liệu [1]. Đọc trang 138-153 tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập Unit 9 sách bài tập. |
| | 9.A What a week! | |
| | 9.B Then he kissed me | |
| | Grammar Vocabulary, Pronunciation Quick check of vocabulary, sounds and word stress. | |
| B.kiểm tra số 3 | Kiểm tra các kỹ năng tổng hợp Nghe, Nói, Đọc, Viết nội dung các bài 7, 8, 9. | Ôn tập nội dung các bài 7, 8, 9. |
| Tuần 10 | Ôn thi kết thúc học phần | Hệ thống lại toàn bộ các kiến thức đã học. Hoàn thành các BT trong đề cương ôn thi |

VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm 2011
TRƯỞNG TỔ MÔN